HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2016/NQ-HĐND	*Tiền Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội và Công văn số 16561/BTC-HCSN ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc trả lời định mức chi tiêu của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 73/TTr-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi áp dụng

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng điều chỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, bao gồm đại biểu hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách.

Cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp, tham gia, phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán, bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này và quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 4. Các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

Ngoài chế độ, chính sách quy định tại điều 3 Nghị quyết này, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp còn được chi hỗ trợ bảo đảm hoạt động. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Hoạt động của đại biểu tại kỳ họp

- Tại các phiên họp toàn thể:

+ Đại biểu Chủ tọa: 200.000 đồng/người/buổi.

+ Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Đại biểu làm Thư ký: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thư ký: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Khách mời: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Phục vụ: 75.000 đồng/người/buổi.

- Tại các phiên họp thảo luận ở Tổ đại biểu, ở Tổ thảo luận tại kỳ họp:

+ Đại biểu chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Đại biểu làm nhiệm vụ Thư ký Tổ: 130.000 đồng/người/buổi.

+ Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Khách mời: 100.000đồng/người/buổi.

+ Phục vụ: 75.000 đồng/người/buổi.

- Đối với kỳ họp thứ nhất, kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ, kỳ họp cuối năm, hoặc các kỳ họp khác, Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức chiêu đãi: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Hoạt động của Tổ đại biểu

Chi hoạt động của Tổ đại biểu theo Nghị quyết thành lập Tổ: 3.000.000 đồng/Tổ/năm. Nội dung chi cụ thể do đại biểu trong Tổ thống nhất.

c) Hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát

- Đại biểu Trưởng đoàn, Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi.

- Đại biểu thành viên: 100.000 đồng/người/buổi.

- Khách mời: 100.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ: 75.000 đồng/người/buổi.

d) Chi cho các phiên họp liên quan đến công tác thẩm tra, giám sát, khảo sát; các phiên họp giải trình, chất vấn, liên tịch của Thường trực Hội đồng nhân dân và các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân: bằng mức chi cho hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát.

Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân mời chuyên gia tham dự thẩm tra, giám sát, khảo sát, dự các phiên họp giải trình, chất vấn và các cuộc họp khác của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân thì áp dụng mức chi cho chuyên gia như chi cho Chủ trì/Trưởng đoàn.

đ) Lấy ý kiến đóng góp dự án luật, dự thảo văn bản của Trung ương; lấy ý kiến chuyên gia, lấy ý kiến nhân dân

- Họp lấy ý kiến: bằng mức chi cho hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát.

- Chi cho các cơ quan tổ chức việc lấy ý kiến đóng góp theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân: 500.000 đồng/cơ quan.

- Lấy ý kiến nhân dân: mức chi lấy ý kiến trực tiếp không quá 50.000 đồng/người; lấy ý kiến qua phiếu không quá 30.000 đồng/phiếu.

- Trường hợp mời chuyên gia tham dự lấy ý kiến thì áp dụng mức chi cho các chuyên gia như chi cho Chủ trì/Trưởng đoàn.

- Chi soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan tổ chức lấy ý kiến theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân: 500.000 đồng/báo cáo. Đối với báo cáo tổng hợp chung: 1.500.000 đồng/báo cáo.

e) Chi tiếp công dân do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức

- Chủ trì tiếp công dân: 150.000 đồng/người/buổi.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân: 100.000 đồng/người/buổi.

- Khách mời tham gia tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ: 75.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp tổ chức ngoài trụ sở Hội đồng nhân dân, ngoài mức chi nêu trên còn chi hỗ trợ nơi tổ chức tiếp dân: 500.000 đồng/ngày để chi cho trang trí, nước uống và các khoản chi khác.

g) Cấp kinh phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri

- Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri để trang trí; nước uống cho cử tri, đại biểu; ăn trưa hoặc chiều cho đại biểu, lực lượng phục vụ và các khoản chi khác: 1.500.000 đồng/điểm.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân đi tiếp xúc cử tri được cấp: 250.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ : 75.000 đồng/người/buổi.

h) Chi cho công tác soạn thảo văn bản

- Soạn thảo báo cáo thẩm tra các đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch trung hạn, kế hoạch 5 năm; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri; tổng hợp trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ: 1.500.000 đồng/báo cáo.

- Soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết: 1.000.000 đồng/báo cáo.

- Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát chuyên đề: 1.500.000 đồng/báo cáo; báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả giám sát trong một năm: 1.000.000 đồng/báo cáo.

- Soạn thảo các tờ trình, dự thảo nghị quyết (cá biệt) do các Ban của Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân; nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân; văn bản phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình, theo dõi việc thực hiện lời hứa và kiến nghị của Hội đồng nhân dân; báo cáo của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân; các văn bản khác liên quan đến Kỳ họp như: Kế hoạch chuẩn bị nội dung kỳ họp; kế hoạch giám sát cả năm; gợi ý thảo luận; bài diễn văn, chương trình kỳ họp, chương trình giám sát; biên bản kỳ họp; đề cương tiếp xúc

cử tri và văn bản cho ý kiến về các vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp: 500.000 đồng/văn bản.

- Soạn thảo bài tham luận; báo cáo chuyên đề của Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của cấp trên; văn bản cho ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết: 1.000.000 đồng/văn bản.

- Xây dựng hồ sơ, văn bản phục vụ hội nghị, phục vụ các đoàn công tác khảo sát, lấy ý kiến: 500.000đ/bộ hồ sơ; xây dựng hồ sơ giám sát, hội thảo: 1.000.000đ/bộ hồ sơ.

- Rà soát, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi thông qua: 200.000 đồng/nghị quyết.

i) Hỗ trợ khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp, tham gia, phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

- Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân tự nghiên cứu tài liệu kỳ họp: 500.000 đồng/đại biểu/kỳ họp.

- Hỗ trợ công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ toàn bộ các hoạt động của đại biểu: 1.000.000 đồng/người/năm.

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn.

+ Hội nghị đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh là Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động Hội đồng nhân dân Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; cấp Huyện là Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã) do Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức: Nội dung chi và mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp. Các cuộc hội nghị khác chi như mức chi tại phiên họp toàn thể của kỳ họp.

+ Hội thảo do Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tổ chức: Mức chi gấp hai lần mức chi tại phiên họp toàn thể của kỳ họp.

+ Tập huấn: Đại biểu tham dự tập huấn do cấp trên tổ chức được hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày.

- Học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ:

+ Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân tổ chức các đoàn đại biểu đi học tập kinh nghiệm, bồi dưỡng nghiệp vụ trong và ngoài tỉnh phải ăn, nghỉ dọc đường: chi hỗ trợ tiền ăn không quá 150.000 đồng/người/ngày.

+ Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân tổ chức các đoàn đại biểu đến tỉnh bạn trao đổi, học tập kinh nghiệm, tham dự hội nghị, mức quà tặng cho mỗi tỉnh không quá 2.000.000 đồng.

- Hỗ trợ đại biểu khai thác thông tin, báo chí, internet; nghiên cứu tài liệu kỳ họp trên Văn phòng điện tử : 200.000 đồng/tháng.

- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được trang cấp một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng để nghiên cứu tài liệu kỳ họp, truy cập, trao đổi thông tin trên Văn phòng điện tử. Giá trị máy tính xách tay, máy tính bảng do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm: Ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe hàng năm theo mức là 1.000.000 đồng/người/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ tiền may trang phục: 6.000.000 đồng/đại biểu; công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân được hỗ trợ: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

- Đoàn công tác của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tổ chức tặng quà cho các đối tượng chính sách - xã hội bao gồm: người có công hoặc thân nhân người có công với cách mạng; người có đóng góp đối với hoạt động Hội đồng nhân dân; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: trại điều dưỡng; thương, bệnh binh; trại trẻ mồ côi; người khuyết tật... Mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi cụ thể như sau: 3.000.000/đồng/lần/năm đối với quà tặng cho tập thể; 800.000 đồng/lần/năm đối với quà tặng cho cá nhân. Chi quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán đối với các đồng chí là Thường trực, lãnh đạo chuyên trách các Ban Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu: 1.000.000 đồng/người; công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu: 700.000 đồng/người. Đối tượng cụ thể được tặng quà do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

- Tặng quà lưu niệm: Đại biểu Hội đồng nhân dân; cá nhân tham gia công tác thường xuyên, tích cực, có nhiều đóng góp cho hoạt động Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ. Giá trị quà tặng do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: Mức chi tối đa 1.500.000 đồng/người.

- Chi thăm hỏi, trợ cấp:

+ Chi thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân bệnh nằm viện từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi trợ cấp không quá 3.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.

+ Chi thăm hỏi nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân bệnh nằm viện: từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/người/lần.

+ Các đối tượng sau nếu từ trần thì gia đình được trợ cấp 2.000.000 đồng: Đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân; cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng) của đại biểu Hội đồng nhân dân.

+ Chi thăm hỏi đại biểu chuyên trách, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân đương nhiệm, nghỉ hưu bệnh nằm viện được áp dụng như đối với đại biểu Hội đồng nhân dân. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn thì tuỳ theo hoàn cảnh, Thường trực, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân quyết định mức trợ cấp nhưng không quá 5.000.000 đồng/người.

+ Chi thăm hỏi lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Thường trực, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân cấp huyện bệnh nằm viện, thăm viếng khi từ trần được áp dụng mức chi như đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Trường hợp Thường trực, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh bạn có trao đổi kinh nghiệm hoạt động thường xuyên với Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khi từ trần được chi thăm viếng không quá 1.000.000 đồng/lần.

2. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã

Mức chi bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện bằng 60% mức chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này.

Mức chi bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bằng 40% mức chi quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định nội dung chi, mức chi, đối tượng được hỗ trợ quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này sau khi trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp nhưng không quá mức chi của tỉnh.

3. Các chế độ chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì chi theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Các khoản chi (bao gồm tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) do ngân sách nhà nước bảo đảm đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân cấp đó.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2011/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII.

Các quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận:
- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- UB TCNS của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan Thường trực BNV (TP.HCM);
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tài chính
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Văn Danh